

Số: ~~2915~~ QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày ~~30~~ tháng ~~11~~ năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Bồi thường, hỗ trợ dự án: Hệ thống
thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 2331/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 của UBND thành phố Lai Châu về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung lần 1 dự án: Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 1042/TTr-TNMT ngày 29/11/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Vàng Văn Ke - Cư trú tại bản Cẩng Đẳng, xã San Thàng, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ Chủ đầu tư phải chi trả là: 238.094.682 đồng.

(Bằng chữ: Hai trăm ba mươi tám triệu, không trăm chín mươi tư nghìn, sáu trăm tám mươi hai đồng).

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

- Địa điểm tại Trụ sở UBND xã San Thàng.

- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì hộ gia đình ông Vàng Văn Ke có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất, Ban quản lý dự án thành phố; Chủ tịch UBND xã San Thàng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Xiêng

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ BỔ SUNG LẦN 1

Dự án: Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu

(Kèm theo Quyết định số : 2915/QĐ-UBND, ngày 30 tháng 11 năm 2022 của UBND thành phố Lai Châu)

I T	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền	Ghi chú
1	2	3	4	5	(6=4*5)	7
26	Hộ ông Vàng Văn Ke					
	Địa chỉ: bản Cắng Đẳng, xã San Thàng, thành phố Lai Châu					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				238.094.682	
a	Về đất				29.440.900	
1	Diện tích thu hồi	m ²	795,7			
2	Loại đất					
	Đất trồng lúa 1 vụ	m ²	349,5	37.000	12.931.500	
	Đất nuôi trồng thủy sản	m ²	446,2	37.000	16.509.400	
	Vị trí (VT1)					
	Nguồn gốc: Gia đình bị thu hồi 04 thửa đất gồm các thửa 230, 231, 232, 235; tờ BĐ số 121 (Theo BĐ trích đo thu hồi dự án). Đối chiếu bản đồ địa chính năm 2013 phần diện tích thu hồi, có nguồn gốc cụ thể như sau: Phần diện tích thu hồi thửa đất số 186,189,192, tờ BĐ số 121 đã được cấp GCN QSD đất số phát hành BC467239 do UBND TX Lai Châu (nay là TP Lai Châu) cấp ngày 5/12/2012 cho ông Vàng Văn Ke và bà Lèng Thị Hai. Mục đích sử dụng: Đất trồng lúa, đất nuôi trồng thủy sản. Gia đình sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp.					
b	Tài sản vật kiến trúc: Toàn bộ tài sản do ông Vàng Văn Ke tạo lập năm 1998, sau đó xây lại kè ao từ năm 2018. Khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính. Tài sản được tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất để thực hiện dự án.				69.418.214	
	Tài sản tạo lập phục vụ sản xuất nông nghiệp đúng mục đích khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất bồi thường bằng 100% đơn giá mức bồi thường theo điểm c khoản 7 Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)					
1	Ao đào không phân biệt đất cấp (1,4*351,7m2)	m ³	492,4	58.300	28.705.754	
2	Kè đá xây kè ao (1,8*0,6*60)	m ³	64,8	392.700	25.446.960	
3	Cống cuốn BT Φ 100-300	m	15,0	144.100	2.161.500	
4	Ống HDPE Φ 63	m	30,0	44.100	1.323.000	
5	Kè đá xây (1,5*0,5*40) kè suối	m ³	30,0	392.700	11.781.000	
c	Cây cối hoa màu trên đất				37.981.368	
1	Cây lấy gỗ D= 10-25 cm	Cây	36,0	42.000	1.512.000	
2	Cây lấy gỗ D30; H 7m: 2 cây	đồng/m3	1,0	480.000	474.768	
3	Cây chuối cao trên 1,2 m	Cây	22,0	24.000	528.000	Cây trồng giáp bờ suối
4	Cây bưởi trồng hạt năm thứ 4	Cây	10,0	192.000	1.920.000	



I	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền	Ghi chú
1	2	3	4	5	(6=4*5)	7
5	Cây bưởi bán kính phát tán từ 1-2m	Cây	1,0	360.000	360.000	
6	Cây đào bán kính phát tán từ 1-2m	Cây	1,0	360.000	360.000	
7	Sản lượng cá nằm trong phạm vi thu hồi 351,7m ² *0,3kg/m ²	kg	105,5	60.000	6.330.600	
8	Sản lượng cá nằm trong phạm vi ảnh hưởng 1472 m ² *0,3kg/m ²	kg	441,6	60.000	26.496.000	
d	Chính sách hỗ trợ				101.254.200	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 4 lần giá đất trồng lúa 1 vụ theo điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/m ²	349,5	148.000	51.726.000	
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 3 lần giá đất nuôi trồng thủy sản theo điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/m ²	446,2	111.000	49.528.200	



